

Bản án số: 34/2017/HS-ST
Ngày 13-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Đạt

Bà Nguyễn Thị Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Nhà văn hóa xã AT, Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2421/2017/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Thị C; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1966; Nơi sinh: huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký HKTT: 113/1, ấp АД, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở: 76/1, ấp АД, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Phạm Văn M (đã chết) con bà Lê Thị N (đã chết); Bị cáo có 03 người đã sống chung như vợ chồng, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên không rõ lai lịch; Bị cáo có 03 người con: lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/11/2016 theo Quyết định tạm giữ số: 15 cùng ngày và Quyết định gia hạn tạm giữ số: 01 ngày 28/11/2016. Sau đó chuyển tạm giam theo Lệnh số: 01 ngày 01/12/2016 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú; Quyết định gia hạn tạm giam số: 03 ngày 20/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú; Lệnh tạm giam số: 05 ngày 19/01/2017 và Lệnh tạm giam số: 10 ngày 23/4/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú. Sau khi kết thúc điều tra, tiếp tục tạm giam theo Lệnh tạm giam để truy tố số: 10 ngày 22/6/2017 và Quyết định gia hạn tạm giam để truy tố số: 06 ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thanh Phú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1968, ĐKTT: 42/4 ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1965, ĐKTT: 42/4 ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)
3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1957, ĐKTT: ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
4. Bà Trịnh Thị K, sinh năm: 1959, ĐKTT: 60/1 ấp T, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
5. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1979, ĐKTT: Ấp H, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
6. Ông Võ Văn D, sinh năm: 1975, ĐKTT: Ấp H, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
7. Ông Cao Một Q, sinh năm 1985, ĐKTT: Ấp TL, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
8. Bà Huỳnh Trúc L, sinh năm 1980, ĐKTT: Ấp AT, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Đặng Quốc Y – sinh năm: 1990, ĐKTT: Ấp T, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**** Người làm chứng:***

1. Bà Phan Thị Tú A, sinh năm: 1998, ĐKTT: Ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
2. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1995, ĐKTT: 42/4 ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).
3. Ông Phan Văn M, sinh năm: 1977, ĐKTT: Ấp Đ, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1979, ĐKTT: Ấp B, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)
5. Bà Văng Thị C, sinh năm: 1954, ĐKTT: Ấp AĐ, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị C không có nghề nghiệp, tuy biết rõ việc bói toán là không có cơ sở khoa học, nhưng để có tiền chi tiêu trong gia đình, C đã hành nghề "xem bói, lên đồng làm phép" nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào năm 2013 (không xác định được ngày, tháng), anh Cao Một Q (tên gọi khác là: M S), sinh năm: 1985, cư trú ấp TL, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre bị đau lưng, chữa trị không hết nên đã tìm đến gặp Phạm Thị C tại nhà ở xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre thì được C cho biết anh Q đã bị “yêm” và nói sẽ “gỡ yêm” với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Với thủ đoạn gian dối, C lấy nửa quả chanh tươi và lén lút ghim sẵn nhiều mảnh lưỡi lam vào bên trong trước đó, dùng chà lên lưng anh Q nhiều lần rồi vắt ra để cho anh Q thấy những mảnh lưỡi lam và nói là đã “gỡ yêm” xong. Do tin tưởng nên anh Q đã giao số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho C.

Lần thứ hai: Cũng vào năm 2013 (không xác định được ngày, tháng) bà

Huỳnh Trúc L, sinh năm 1980, cư trú ấp AT, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre nghe tin đồn ở xã AT, huyện P có bà thầy bói xem bói rất hay nên tìm đến nhà gặp Phạm Thị C để xem bói về gia đạo và xin phép làm ăn. Lợi dụng sự mê tín của chị L, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên giả vờ "làm phép" và yêu cầu chị L giao số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ ba: Vào năm 2014 (không xác định được ngày, tháng) bà Trịnh Thị K, sinh năm: 1959, cư trú ấp T, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre có người con trai bỏ vợ theo người phụ nữ khác, nghe tin đồn nên bà K cùng Đỗ Thị X (con dâu của bà K), sinh năm 1979 (ở cùng ấp) đến nhà gặp Phạm Thị C nhờ "làm phép". C giả vờ lên đồng, xưng là "Cậu Ba" rồi dùng viết lông viết lên tấm giấy màu vàng nói là "bùa" và đưa cho bà K và kêu đem về để trong gôi nằm của con bà K thì người ấy sẽ quay về. Sau khi "làm phép" xong, C yêu cầu bà K đưa "12 quan", tức 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) để cúng và chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 10/2015 (không xác định được ngày), bà Trần Thị T, sinh năm 1957, cư trú ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre bị người khác nợ tiền nhưng không trả, nghe tin đồn ở xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre bà thầy "Tám C" có khả năng làm phép để người khác trả tiền nên tìm đến nhà gặp Phạm Thị C để xin làm phép. Lợi dụng sự mê tín dị đoan của bà T, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên yêu cầu bà T giao số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), sau đó giả vờ làm phép rồi chiếm đoạt tiền của bà T.

Lần thứ năm: Vào tháng 11/2015 (không xác định được ngày), nghe Cao Một Q (M S) giới thiệu bà thầy "Tám C" trị bệnh rất hay nên Võ Văn D, sinh năm 1975, cư trú ấp H, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre tìm đến nhà gặp Phạm Thị C xin trị bệnh cho mẹ. C nói mẹ anh D ngoài việc bị bệnh còn bị người khác "yểm", kêu anh D đưa mẹ và mang theo hai trứng vịt lạt đến để "gỡ yểm". Khi anh D đưa mẹ mình đến, Phạm Thị C đã giả vờ lên đồng, xưng là "Cậu Ba" và "gỡ yểm". C yêu cầu anh D đưa tiền cúng cho "Cậu Ba" là "10 quan", tức 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tiếp theo, C gợi ý người nhà anh D cần làm phép để gia đình được bình an, làm ăn phát đạt và làm 06 (sáu) "lá bùa" cho 06 (sáu) người với số tiền là 3.000.0000 đồng (ba triệu đồng). Khoảng 03 (ba) ngày sau, C gọi điện thoại cho anh D kêu đến nhà C lấy chai "nước thánh" về tắm cho mẹ anh D với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do tin tưởng nên anh D đã giao cho C tổng số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Lần thứ sáu: Ngày 29/10/2016, qua giới thiệu của bà T, bà Võ Thị H, sinh năm 1965, cư trú ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre đến gặp Phạm Thị C để xem bói. Sau khi xem bói, C nói ông Trần Văn S (chồng của bà H) đã bị "yểm" và kêu bà H đem áo của ông S đến để "gỡ yểm". Tưởng thật, bà H đem áo của ông S đến đưa cho C. Sau khi giả vờ "lên đồng" xưng là "Cậu Ba" và "gỡ yểm", C yêu cầu bà H đưa số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) để cúng và chiếm đoạt.

Lần thứ bảy: Đến ngày 08/11/2016, ông Trần Văn S trực tiếp đến nhà gặp C thì được C cho biết ông S vẫn còn bị "thư" (yểm) và hẹn ngày 10/11/2016 đem theo hai trứng vịt lạt đến để "giải thư" (gỡ yểm). Đến ngày hẹn, ông S mang theo hai trứng vịt đến đưa cho C. Với thủ đoạn gian dối, C đã tráo đổi hai trứng vịt của

ông S bằng hai trúng vịt đã được đóng 02 cây K (loại kim may tay) vào sẵn trước đó. Sau khi giả vờ “Lên đồng” xưng là “Cậu Ba” để “giải thư”, C yêu cầu ông S đưa số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để cúng và chiếm đoạt.

Lần thứ tám: Do thấy việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình ông S dễ dàng nên sau đó Phạm Thị C đã chủ động gọi điện thoại cho ông S nói bà H (vợ ông S) cũng đã bị “thư” và kêu bà H đến nhà để “giải thư”. Khoảng 10 giờ ngày 25/11/2016, ông S và bà H, cùng với Trần Thị T (con ông S, bà H) và Phan Thị Tú A (cháu ông S), cùng cư trú ấp A, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre mang theo hai trúng vịt lạt đến nhà gặp C. Cũng với thủ đoạn gian dối, C đem tráo đổi lấy hai trúng vịt khác đã đóng sẵn ba cây kim (loại kim may tay) vào bên trong trước đó. Sau khi thắp nhang cúng, vái, giả vờ “lên đồng” tự xưng là “Cậu Ba” rồi dùng viết lông “vẽ bùa” lên hai trúng vịt đã tráo đổi và vẽ lên người bà H; xong, C dùng hai trúng vịt lặn lên người bà H nhiều lần rồi kêu bà H và người nhà đập bể hai trúng vịt ra kiểm tra thì thấy có ba cây kim bên trong. Lúc này C nói đã “giải thư” xong và yêu cầu ông S và bà H đưa tiền cúng là "15 quan", tức 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nhưng do không đủ tiền nên ông S xin đưa trước 7.990.000 đồng (bảy triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng), phần còn lại sẽ đưa sau. Ngay khi C vừa nhận tiền và giao lại cho Đặng Quốc Y (là con nuôi của C), sinh năm 1990, đăng ký thường trú ấp T, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre cầm lấy để cất giữ thì bị lực lượng Công an huyện P ập vào bắt quả tang. Qua điều tra, Phạm Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo của mình.

- Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm:

- + Tiền Việt Nam: 7.990.000 đồng (bảy triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng);
- + 01 (một) tờ giấy có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 24,5cm x 18cm, trên mặt vàng có ghi dòng chữ “ Tuổi tỵ 52.15 quang tiêng” và nhiều ký tự lạ;
- + 02 (hai) tờ giấy có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 22cm x 18cm. Trên mặt màu vàng của cả hai tờ giấy có ghi chữ “Nguyễn Thị H 1964”, và nhiều ký tự lạ;
- + 01 (một) cái tô bằng nhựa màu trắng đục, bên trong đáy tô có nhiều hoa văn, đường kính miệng tô 18cm, đường kính đáy tô 10cm. Trong tô có 01 (một) vỏ trúng vịt có viết nhiều ký tự lạ bằng mực màu xanh và 01 (một) tờ giấy có ghi ký tự lạ được xếp gấp lại;
- + 03 (ba) cây bút lông dầu màu xanh, hiệu TL-Marker;
- + 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 25,5cm x 24cm, trên mặt màu vàng có ghi nội dung về bệnh của Đặng Văn Hoàng 38 tuổi và Đỗ Thị X 36 tuổi;
- + 02 (hai) cây kim, loại may tay bằng kim loại màu trắng 01 (một) cây dài 4,6cm, và 01 (một) cây dài 4,5cm;
- + 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 14,3cm x 3,5cm;
- + 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích

thước 9,6cm X 17,4cm, trên mặt màu vàng có nhiều ký tự lạ;

+ 01 (một) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 1.000 đồng (một ngàn đồng), số sê-ri: FL 5820350;

+ 01 (một) bao lì xì màu đỏ, có chữ “Công ty trách nhiệm hữu hạn vico”.

+ 01 (một) USB có lưu 02 (hai) đoạn Video clip trích thu từ máy điện thoại di động ghi lại quá trình Phạm Thị C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn S vào ngày 25/11/2016.

Đồng thời, khi bắt quả tang cơ quan Cảnh sát điều tra còn thu giữ một số đồ vật, tài liệu gồm:

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 321474729, mang tên Đặng Quốc Y;

+ 01 (một) hộp bằng kim loại tròn, màu đỏ, đường kính 29cm;

+ 01 (một) cây bút bi màu đỏ, hiệu Thiên Long;

+ 01 (một) cây bút bi màu xanh, hiệu Thiên Long;

+ 01 (một) bộ bài tây còn lại 32 lá;

+ 01 (một) cây kéo lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, vành trong khoen cán kéo có màu đỏ;

+ 03 (ba) đĩa DVD lưu kinh Phật các loại;

+ 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia, màu đen, bên trong có 01 (một) sim số 01672634670;

+ 88 (tám mươi tám) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 53,5cm x 40cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều ký tự lạ;

+ 02 (hai) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 40cm x 27cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều ký tự lạ;

+ 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 26,5cm x 19cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều ký tự lạ;

+ 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 26,5cm x 21cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều ký tự lạ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 25cm x 17,5cm x 07cm, hiệu Thành Đạt, có 06 (sáu) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 24,75cm x 16,75cm x 01cm, hiệu Tiến Phát, có 100 (một trăm) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 20,6cm x 16cm x 0,5cm, hiệu Tân Yên Phát có 42 (bốn mươi hai) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 25cm x 17,5cm x 07cm, hiệu Thành Đạt, có 37 (ba mươi bảy) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 20,5cm x 16cm x 0,6cm, nhãn hiệu Quyết Tâm, có 42 (bốn mươi hai) trang có chữ;

- + 01 (một) cuốn tập kích thước 20,6cm x 15,5cm x 0,4cm, nhãn hiệu Kiên Lợi, có 03 (ba) trang có chữ;
- + 01 (một) quyển sổ bìa cứng màu đen, kích thước 26,7cm x 18,3cm x 1,6cm, hiệu Charming-CK9, có 84 (tám mươi bốn) trang có chữ;
- + 01 (một) quyển sổ bìa cứng màu đen, có 13 (mười ba) trang có chữ;
- + 03 (ba) cuốn sách kinh “Vu lan và báo hiếu”;
- + 01 (một) cuốn “Bốn môn pháp hoa kinh”;
- + 01 (một) cuốn kinh tụng;
- + 01 (một) cuốn kinh “Được sư bốn nguyện công đức”.

- Ngoài ra, trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Phạm Thị C đã tự nguyện giao nộp số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) để khắc phục hậu quả; Ngày 06/01/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú đã ra quyết định xử lý vật chứng và trao trả cho bà Võ Thị H số tiền 27.490.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng). Sau khi nhận tiền, bà H và ông Trần Văn S không có yêu cầu gì thêm.

Đối với những người bị hại còn lại, do chưa được bồi thường nên có yêu cầu bị cáo Phạm Thị C phải bồi thường số tiền đã bị chiếm đoạt.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Cao Một Q, bà Trịnh Thị K, bà Trần Thị T, ông Võ Văn D yêu cầu bị cáo Phạm Thị C trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 23/KSĐT – KT ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, truy tố Phạm Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm b, điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị C từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị C.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Thị C phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự, cụ thể bồi thường cho ông Cao Một Q 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bà Huỳnh Trúc L 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bà Trịnh Thị K 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), bà Trần Thị T 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), ông Võ Văn D 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng); Riêng bà Võ Thị H và ông Trần Văn S trong quá trình điều tra bị cáo C đã bồi thường số tiền 27.490.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), không có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Trả cho anh Đặng Quốc Y 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 321474729 mang tên Đặng Quốc Y; Trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú 01 (một) USB có lưu 02 (hai) đoạn Video clip trích thu từ máy điện thoại di động ghi lại quá trình Phạm Thị C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn S vào ngày 25/11/2016; Trả cho bị cáo Phạm Thị C 01 (một) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 1.000 đồng (một ngàn đồng), số sơ ri: FL 5820350; 01 (một) cây kéo lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, vành trong khoen cán kéo có màu đỏ; 03 (ba) đĩa DVD lưu kinh Phật các loại; 03 (ba) cuốn sách kinh “Vu lan và báo hiếu”; 01 (một) cuốn “Bổn môn pháp hoa kinh”; 01 (một) cuốn kinh tụng; 01 (một) cuốn kinh “Được sư bổn nguyện công đức”. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen.

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng còn lại gồm:

- + 01 (một) thẻ sim số 01672634670.
- + 01 (một) tờ giấy có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 24,5cm x 18cm, trên mặt vàng có ghi dòng chữ “Tuổi ty 52.15 quang tiền”.
- + 02 (hai) tờ giấy có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 22cm x 18cm. Trên mặt màu vàng của hai tờ giấy có ghi chữ “Nguyễn Thị H 1964”, và nhiều kí tự lạ.
- + 01 (một) cái tô bằng nhựa màu trắng đục, bên trong đáy tô có nhiều hoa văn, đường kính miệng tô 18cm, đường kính đáy tô 10cm. Trong tô có 01 (một) vỏ trứng vịt có viết nhiều kí tự lạ bằng mực màu xanh và 01 (một) tờ giấy có ghi kí tự lạ được xếp lại.
- + 03 (ba) cây bút lông dầu màu xanh, hiệu TL-Marker.
- + 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 25,5cm x 24cm, trên mặt màu vàng có ghi nội dung về bệnh của Đặng Văn Hoàng 38 tuổi và Đỗ Thị X 36 tuổi.
- + 02 (hai) cây kim, loại may tay bằng kim loại màu trắng (01 cây dài 4,6cm và 01 cây dài 4,5cm);
- + 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 14,3cm x 3,5cm;
- + 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro, kích thước 9,6cm x 17,4cm, trên mặt màu vàng có nhiều kí tự lạ;
- + 01 (một) bao lì xì đỏ, có chữ “Công ty trách nhiệm hữu hạn vico”;
- + 01 (một) hộp bằng kim loại tròn, màu đỏ, đường kính 29cm;
- + 01 (một) cây bút bi màu đỏ, hiệu Thiên Long;
- + 01 (một) cây bút bi màu xanh, hiệu Thiên Long;
- + 01 (một) bộ bài tây còn 32 lá;
- + 88 (tám mươi tám) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc caro,

kích thước 53,5cm x 40cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều kí tự lạ;

+ 02 (hai) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 40cm x 27cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều kí tự lạ;

+ 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 26,5cm x 19cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều kí tự lạ;

+ 01 (một) tờ giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng sọc carô, kích thước 26,5cm x 21cm, trên mặt màu vàng có ghi chữ Việt và nhiều kí tự lạ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 25cm x 17,5cm x 07cm, hiệu Thành Đạt, có 06 (sáu) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 24,75cm x 16,75cm x 01cm, hiệu Tiên Phát, có 100 (một trăm) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 20,6cm x 16cm x 0,5cm, hiệu Tân Yên Phát, có 42 (bốn mươi hai) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 25cm x 17,5cm x 07cm, hiệu Thành Đạt, có 37 (ba mươi bảy) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 25cm x 17,5cm x 07cm, hiệu Quyết Tâm, có 42 (bốn mươi hai) trang có chữ;

+ 01 (một) cuốn tập kích thước 25cm x 17,5cm x 07cm, hiệu Kiên Lợi, có 03 (ba) trang có chữ;

+ 01 (một) quyển sổ bìa cứng màu đen, kích thước 26,7cm x 18,3cm x 16cm, hiệu Charming – CK9, có 84 (tám mươi bốn) trang có chữ;

+ 01 (một) quyển sổ bìa cứng màu đen, có 13 (mười ba) trang có chữ;

Vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số: 08/KSĐT-KT ngày 14/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú.

Bị hại bà Trịnh Thị K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình do bị cáo có bệnh trong người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc không có công ăn việc làm ổn định, động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến tháng 11/2016, Phạm Thị C đã lợi dụng sự mê tín dị đoan và dùng thủ đoạn gian dối, nhiều lần chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền là 70.990.000 đồng (bảy mươi triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân. Cụ thể chiếm đoạt của ông Cao Một Q 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), chị Huỳnh Trúc L 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bà Trịnh Thị K 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), bà Trần Thị T 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), ông Võ Văn D 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), bà Võ Thị H và ông Trần Văn S 27.490.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng); Hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự, nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú truy tố Phạm Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;”.

[3] Bị cáo Phạm Thị C là người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối lợi dụng sự mê tín dị đoan để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý thực hiện, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của những bị hại, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân; xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần phải xử lý thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Khi xem xét hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị C có nhân thân xấu, đã thực hiện hành vi hành nghề mê tín dị đoan gây hậu quả nghiêm trọng, bị

Công an bắt giam sau đó được tha về, nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, có tính chuyên nghiệp với nhiều người bằng thủ đoạn lợi dụng sự mê tín dị đoan nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị C thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải, đã nộp tiền khắc phục một phần hậu quả, bị hại bà Trịnh Thị K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Phạm Thị C là phù hợp pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Thị C phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự, cụ thể bồi thường cho ông Cao Một Q 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bà Huỳnh Trúc L 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bà Trịnh Thị K 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), bà Trần Thị T 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), ông Võ Văn D 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng); bà Võ Thị H và ông Trần Văn S đã nhận số tiền bồi thường số tiền 27.490.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), không có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ Luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự trả cho anh Đặng Quốc Y 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 321474729 mang tên Đặng Quốc Y; Trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú 01 (một) USB có lưu 02 (hai) đoạn Video clip trích thu từ máy điện thoại di động ghi lại quá trình Phạm Thị C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn S vào ngày 25/11/2016; Trả cho bị cáo Phạm Thị C 01 (một) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 1.000 đồng (một ngàn đồng), số seri: FL 5820350; 01 (một) cây kéo lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, vành trong khoen cán kéo có màu đỏ; 03 (ba) đĩa DVD lưu kinh phạt các loại; 03 (ba) cuốn sách kinh “Vu lan và báo hiếu”; 01 (một) cuốn “Bốn môn pháp hoa kinh”; 01 (một) cuốn kinh tụng; 01 (một) cuốn kinh “Được sự bốn nguyện công đức”. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen.

Các vật chứng còn lại có đặc điểm theo Quyết định chuyển vật chứng số: 08/KSĐT-KT ngày 14/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú lưu giữ được tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch 5% trên tổng số tiền bồi thường bị cáo Phạm Thị C phải chịu theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[1] Căn cứ vào điểm b, điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2016.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Phạm Thị C phải có nghĩa vụ trả cho ông Cao Một Q 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), bà Huỳnh Trúc L 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bà Trinh Thị K 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), bà Trần Thị T 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), ông Võ Văn D 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); Bà Võ Thị H và ông Trần Văn S đã nhận tiền bồi thường xong, không có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự sau khi bản án có hiệu lực: Trả cho anh Đặng Quốc Y 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 321474729 mang tên Đặng Quốc Y; Trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Phú 01 (một) USB có lưu 02 (Hai) đoạn Video clip trích thu từ máy điện thoại di động ghi lại quá trình Phạm Thị C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Trần Văn S vào ngày 25/11/2016; Trả cho bị cáo Phạm Thị C 01 (một) tờ tiền Việt Nam, mệnh giá 1.000 đồng (một ngàn đồng), số sê ri: FL 5820350; 01 (Một) cây kéo lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, vành trong khoen cán kéo có màu đỏ; 03 (ba) đĩa DVD lưu kinh phạt các loại; 03 (ba) cuốn sách kinh “Vu lan và báo hiếu”; 01 (một) cuốn “Bổn môn pháp hoa kinh”; 01 (một) cuốn kinh tụng; 01 (một) cuốn kinh “Dược sư bổn nguyện công đức”. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng còn lại của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số: 08/KSĐT-KT ngày 14/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Thị C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.175.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xét xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Bị cáo, người bị hại, NLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã AT, huyện P;
- Nhà tạm giữ CA huyện P;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Văn Phương